

Số: /BVYDCTHG-DTBYT  
V/v đề nghị cung cấp báo giá vật  
tư y tế, hoá chất xét nghiệm năm  
2026

P. Hà Giang 2, ngày 16 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Y dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

### **I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ: đường 03/2, Tổ 8 Quang Trung, Phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- (Bà) Nguyễn Ngọc Mai; Chức vụ: Phó trưởng khoa Dược-VTTBYT- Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang; Số điện thoại: 0975.722.912.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang nhận báo giá theo 02 hình thức như sau:

- Hình thức 1: nhận trực tiếp bản in giấy qua Phòng Văn thư - Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ: đường 03/2, Tổ 8 Quang Trung, Phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang)

- Hình thức 2: nhận qua hòm thư công vụ: [benhvienyhcthg@gmail.com](mailto:benhvienyhcthg@gmail.com).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 16 tháng 6 năm 2026 đến 17h30 ngày 25 tháng 6 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2026.

### **II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ**

1. Danh mục vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm: (Chi tiết tại phụ lục kèm theo Công văn này)

2. Địa điểm cung cấp: Tại Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ: đường 03/2, Tổ 8 Quang Trung, Phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang).

Bảo quản hoá chất xét nghiệm: Nhà cung cấp phải đảm bảo hoá chất được đóng hộp cẩn thận. Đảm bảo môi trường lạnh, khô thoáng và tránh cho hoá chất không bị va đập trong quá trình vận chuyển.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Dự kiến bắt đầu trong quý III, quý IV năm 2026, sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu và hoàn thiện các thủ tục mua sắm theo quy định của pháp luật.

4. Các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: không tạm ứng.

- Thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi hai bên thực hiện đầy đủ các điều khoản cam kết.

5. Các thông tin khác (nếu có): Báo giá làm theo mẫu Báo giá hướng dẫn tại Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế.

Bệnh viện Y dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BGĐ BV (b/c);
- Đăng Website BV, [muasamcong.mpi.gov](http://muasamcong.mpi.gov);
- Lưu: VT, DTBYT.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Vương Thị Duyên**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo công văn số /BVYDCTHG-DTBYT ngày 16 tháng 6 năm 2026  
của Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang tỉnh Tuyên Quang)

<b>I</b>					
<b>Hoá chất xét nghiệm</b>					
STT	Tên hoá chất	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hoá chất pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	<p>*Là dung dịch đẳng trương dùng để pha loãng mẫu máu trước khi xét nghiệm và để duy trì môi trường thích hợp trong quá trình xét nghiệm trên máy phân tích huyết học</p> <p>*Thành phần: chứa boric acid</p> <p>*Các thành phần hoạt động trong hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất bảo quản</li> <li>- Đệm</li> <li>- Sodium chloride</li> <li>- chelator ion kim loại</li> <li>- Sodium sulfate</li> </ul>	20 lít/thùng	Thùng	5
2	Hoá chất ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	<p>*Dung dịch dùng để ly giải hồng cầu để giải phóng hemoglobin để cho phép các xét nghiệm hemoglobin xa hơn trên máy phân tích huyết học</p> <p>*Chứa các chất hoạt động bề mặt có tác dụng ly giải các tế bào hồng cầu và các chất bảo vệ bạch cầu giúp bảo vệ trạng thái của bạch cầu để cho phép sự biệt hóa các thành phần bạch cầu</p> <p>*Các thành phần hoạt động trong hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Muối amoni bậc bốn</li> <li>- potassium chloride</li> <li>- Imidazole</li> <li>- Chất ổn định</li> </ul>	1 lít/chai	Chai	5
3	Hoá chất rửa Enzyme dùng cho máy huyết học	<p>*Dung dịch nhằm loại bỏ các chất còn sót lại của vật liệu sinh học khỏi hệ thống đo của máy phân tích huyết học</p> <p>*Chứa các chất hoạt động bề mặt và một loại enzyme có thể hòa tan và loại bỏ các hạt hữu cơ lớn</p> <p>*Thành phần: có chứa axit boric</p> <p>*Các thành phần hoạt động trong hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- BRIJ 35</li> <li>- EMPIGEN BB</li> <li>- EVERIS PRECISE</li> <li>- sodium chloride</li> <li>- Đệm</li> <li>- Chất ổn định</li> <li>- Chất bảo quản</li> </ul>	1 lít/chai	Chai	8
4	Hoá chất rửa dùng cho máy huyết học	<p>*Dung dịch dùng để làm sạch định kỳ và khẩn cấp hệ thống đo của máy phân tích huyết học</p> <p>*Nó là một dung dịch đậm đặc của hypochlorit dùng</p>	250 ml/lọ	Lọ	2

		<p>để làm sạch oxy hóa chuyên sâu, tráng và rửa hệ thống đo của máy phân tích huyết học, được sử dụng để loại bỏ cặn lắng hình thành từ các mẫu được xét nghiệm</p> <p>*Thành phần: chứa Sodium hypochlorite</p> <p>*Các thành phần hoạt động trong hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Active chlorine</li> <li>- Sodium Hydroxide</li> <li>- Chất ổn định</li> <li>- Sodium chloride</li> </ul>			
5	Hoá chất kiểm soát xét nghiệm huyết học	<p>*Hóa chất kiểm chuẩn mức thông thường cho máy xét nghiệm huyết học tự động hoặc bán tự động dùng nguyên lý trở kháng.</p> <p>*Thành phần: erythrocyte người, leukocytes và tiểu cầu động vật có vú trong môi trường giống huyết tương cùng chất bảo quản.</p>	2,5 ml/ lọ	Lọ	5
6	Hóa chất pha loãng	<p>Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học . Là chất lỏng không màu, không mùi.</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Organic buffer &lt; 0,1 %</li> <li>- Sodium salts &lt; 1,0 %</li> </ul>	Hộp 20 L	Hộp	6
7	Hóa chất ly giải hồng cầu	<p>Dung dịch phá vỡ tế bào hồng cầu, đo HGB dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Là chất lỏng không màu, không mùi</p> <p>Thành Phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ammonium oxalate &lt; 3,0 %</li> <li>- Potassium cyanide &lt; 0,1 %</li> </ul>	Hộp 500 ml	Hộp	5
8	Hóa chất rửa đậm đặc	<p>Dung dịch rửa mạnh dùng trong quá trình bảo dưỡng máy và rửa trong hệ thống. Là chất lỏng màu vàng nhạt</p>	Hộp 1 L	Hộp	2
9	Hóa chất rửa thường	<p>Dung dịch rửa buồng đo hồng cầu, bạch cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Là chất lỏng màu xanh</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sodium salts &lt; 2,0 %</li> <li>- Proteolytic enzyme &lt; 0,5 %</li> </ul>	Hộp 5 L	Hộp	5
10	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; dải đo: 1,6-6 g/dL</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất: R</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Succinate buffer, pH 4.20</li> <li>- Bromocresol green: 0.2 mmol/L</li> <li>- Surfactant</li> </ul> <p>Chất chuẩn: Std</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Albumin: 3.5 g/dL</li> <li>- Sodium azide: &lt; 0.1%</li> </ul>	R: 2 x 125 ml + Std: 1x2ml	Hộp	2
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; dải đo: 10-450 U/L</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất 1: R1</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tris buffer, pH 7.50</li> <li>- L-alanine: 680 mmol/L</li> <li>- LDH: <math>\geq 2000</math> U/L</li> </ul>	R1: 2x50ml + R2: 1x26ml	Hộp	20

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sodium azide: &lt;0.1%</li> </ul> Hóa chất 2: R2 <ul style="list-style-type: none"> <li>- Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L</li> <li>- NADH: 1,1 mmol/L</li> <li>- Sodium azide: &lt;0.1%</li> </ul>			
12	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 <ul style="list-style-type: none"> <li>-Tris buffer, pH 7.8</li> <li>-L-aspartate: 330 mmol/L</li> <li>-LDH: <math>\geq 2000</math> U/L</li> <li>-MDH: <math>\geq 1000</math> U/L</li> <li>-Sodium azide: &lt;0.1%</li> </ul> Hóa chất 2: R2 <ul style="list-style-type: none"> <li>-Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L</li> <li>-NADH: 1.1 mmol/L</li> <li>-Sodium azide: &lt;0.1%</li> </ul>	R1: 2x50ml + R2: 1x26ml	Hộp	20
13	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin direct	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct mẫu huyết thanh/huyết tương người trên máy sinh hóa; dải đo: 0.08-10.55 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1. <ul style="list-style-type: none"> <li>-Sulfanilic acid: 29 mmol/L</li> </ul> Hóa chất 2: R2 <ul style="list-style-type: none"> <li>-Sodium nitrite: 11 mmol/L</li> </ul>	R1: 1x100 mL + R2: 1x25mL	Hộp	2
14	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total mẫu huyết thanh/huyết tương người trên máy sinh hóa; dải đo: 0.25-25 mg/dL (4.3-427.6 $\mu$ mol/L) Hóa chất 1: R1. <ul style="list-style-type: none"> <li>-Sulfanilic acid: 29 mmol/L</li> <li>-Cetrimide: 29 mmol/L</li> </ul> Hóa chất 2: R2 <ul style="list-style-type: none"> <li>-Sodium nitrite: 11 mmol/L</li> </ul>	R1: 2x100ml + R2: 1x50ml	Hộp	2
15	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; dải đo: 20 - 600 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R <ul style="list-style-type: none"> <li>- Good's buffer, pH 6.7</li> <li>- Phenol: 24 mmol/L</li> <li>- Cholesterol esterase: <math>\geq 180</math> U/L</li> <li>- Cholesterol oxidase : <math>\geq 200</math> U/L</li> <li>- Peroxidase : <math>\geq 1000</math> U/L</li> <li>- 4-aminoantipyrine: 0.5 mmol/L</li> <li>- Sodium azide: &lt; 0.1%</li> </ul> Chất chuẩn: Std <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cholesterol: 200mg/dL</li> </ul>	R: 6 x 100 ml + Std: 1 x 5 ml	Hộp	6
16	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh người trên máy sinh hóa; dải đo: 0.5-15 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 <ul style="list-style-type: none"> <li>- Picric acid 8.73 mmol/L</li> </ul>	R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1 x5ml	Hộp	15

		Hóa chất 2: R2 - Sodium hydroxide: 312.5 mmol/L - Disodium phosphate 12.5 mmol/L Chất chuẩn: Std - Creatinine: 2 mg/dL			
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; dải đo: 20-400 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R - Phosphate buffer, pH 7.4 - Phenol: 10 mmol/L - 4-aminoantipyrine: 0.3 mmol/L - Peroxidase: $\geq 700$ U/L - Glucose oxidase: $\geq 10000$ U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ Chất chuẩn Std - D-glucose: 100 mg/dL	R: 6 x 100 ml + Std: 1 x 5 ml	Hộp	6
18	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total Protein	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trong huyết tương/ huyết thanh người trên máy sinh hóa; Dải đo: 0.2-12 g/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R -Copper sulfate: 6 mmol/L -Sodium hydroxide: 490 mmol/L Cũng chứa iodide và muối tartrate cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std -Albumin 6 g/dL -Sodium azide: $<0.1\%$	R: 2x125ml + Std: 1x5ml	Hộp	2
19	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết tương/huyết thanh người trên máy xét nghiệm hóa sinh. Dải đo 30-1000 mg/dL *Thành phần: Hóa chất R - Good's buffer, pH 7.0 - P- chlorophenol: 2.7 mmol/L - ATP: 3.15 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.31 mmol/L - Lipoprotein lipase: $\geq 2000$ U/L - Glycerol kinase: $\geq 500$ U/L - Glycerol- 3- phosphate oxidase: $\geq 4000$ U/L - Peroxidase: $\geq 500$ U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ Chất chuẩn: - Glycerol (tương tự triglycerides) 200 mg/dL - Sodium azide: $<0.1\%$	R: 6x100ml + Std: 1x5ml	Hộp	6
20	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hóa; Dải đo: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL, nước tiểu 200-6000 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1	R1: 4x50ml + R2: 2x26ml + Std: 1x5ml	Hộp	15

		<ul style="list-style-type: none"> <li>-Tris buffer, pH 7.60</li> <li>-Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L</li> <li>-Urease: <math>\geq 8100</math> U/L</li> <li>-GIDH: <math>\geq 1350</math> U/L</li> <li>-Sodium azide: <math>&lt;0.1\%</math></li> </ul> Hóa chất 2: R2 <ul style="list-style-type: none"> <li>-NADH: 1.3 mmol/L</li> <li>-Sodium azide: <math>&lt;0.1\%</math></li> </ul> Chất chuẩn: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Urea: 50 mg/dL</li> </ul>			
21	Hóa chất xét nghiệm định lượng Acid Uric	<ul style="list-style-type: none"> <li>*Hóa chất xét nghiệm định lượng acid Uric trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy xét nghiệm hóa sinh.</li> <li>*Dải đo: Huyết thanh/huyết tương: 1,5-25 mg/dL; Nước tiểu: 5-250 mg/dL</li> <li>*Thành phần:</li> </ul> Hóa chất R: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Buffer, pH 7.0 (20-25°C)</li> <li>- EHSPT: 0.72 mmol/L</li> <li>- Amino- 4- antipyrine: 0.37 mmol/L</li> <li>- Uricase: <math>\geq 150</math> U/L</li> <li>- Peroxidase: <math>\geq 12000</math> U/L</li> <li>- Sodium azide: <math>&lt;0.1\%</math></li> </ul> Chất chuẩn Std: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Uric acid: 6 mg/dL</li> <li>- Sodium azide: <math>&lt;0.5\%</math></li> </ul>	R: 6x50ml + Std: 1x5ml	Hộp	2
22	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase trên máy sinh hóa; dải đo: 20-1500 U/L Thành phần gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Good's buffer, pH 6.15</li> <li>- CNP-G<sub>3</sub>: 2,27 mmol/L</li> <li>- Sodium azide: <math>&lt;0,1\%</math></li> </ul> - Cũng chứa calcium và muối chloride, cũng như potassium thiocyanate cho hiệu suất tối ưu	6 x 50 ml	Hộp	1
23	Hóa chất xét nghiệm định lượng Canxi	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcium Arsenazo trên máy sinh hóa; dải đo: huyết thanh/huyết tương 5-15 mg/dL, nước tiểu 1.5-18 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R <ul style="list-style-type: none"> <li>-Good's buffer, pH 6.5</li> <li>-Arsenazo III: 200 <math>\mu</math>mol/L</li> </ul> Chất chuẩn: Std <ul style="list-style-type: none"> <li>-Calcium: 10 mg/dL</li> </ul>	R: 2 x 125 ml + Std: 1x5ml	Hộp	1
24	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm mức 1 cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học.</li> <li>- Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.</li> </ul>	10 x 5 ml	Hộp	1
25	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm mức 2 cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng	10 x 5 ml	Hộp	1

	<p>thông số sinh hóa</p>	<p>giá trị đi kèm; Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.</p>			
26	<p>Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy</p>	<p>Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong trong bảng giá trị đi kèm; Quy cách: 4 x 3 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Sodium azide &lt; 0.1% - Nồng độ của chất phân tích đặc trưng theo từng lô.</p>	4 x 3 ml	Hộp	2
27	<p>Hoá chất rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá</p>	<p>*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm sinh hóa tự động *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.</p>	2 lít/ can	can	6
28	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c</p>	<p>*Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng HbA1c (Hemoglobin A1c) trong máu toàn phần của người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich *Thành phần gồm: - Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm, mà kháng HbA1c người ở vạch xét nghiệm và IgG của thử ở vạch kiểm soát. - Bộ đệm phát hiện chứa chất liên hợp huỳnh quang A0 chống hemoglobin người, chất liên hợp huỳnh quang IgG từ dê kháng thử, albumin huyết thanh của bò (BSA) như một chất ổn định và natri azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS). - Dung dịch đệm tán huyết chứa tween 20 và sodium azide như một chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS) *Dải làm việc: NGSP (%): 4-15 %</p>	25 test/hộp	Hộp	13
29	<p>Que thử nước tiểu 10 thông số</p>	<p>Que thử nước tiểu 10 thông số: Glucose, Protein, Bilirubin, Urobilinogen, pH, Trọng lượng riêng, Blood, Ketones, Nitrite, Leukocytes, tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu của hãng Arkray</p>	100 test/hộp	Hộp	80
<b>Tổng: 29 mặt hàng</b>					

## II. Vật tư y tế, hoá chất khác

STT	Tên hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Phim X-Quang số hóa 25cm x 30cm (10"x12")	Kích thước phim 10x12 inch (25x30cm)"sử dụng công nghệ in phim kỹ thuật số trực tiếp (Direct Digital Imaging Technology) Có thể sử dụng được cho máy in AGFA. PET dày 168µm, phủ muối bạc và lớp chống trầy xước và chống ẩm. Hạn sử dụng phim ≥ 24 tháng.Đậm độ quang học ≥ 3.1	Hộp	10	
2	Panh ngăn không máu	Panh thẳng không máu 16cm. Chất liệu thép không gỉ	cái	15	
3	Oxy già đậm đặc	Tên gọi: Oxy già (tên tiếng anh Hydrogen Peroxide hay Hydro peroxid, Hydro peroxit) + Xuất xứ: Hàn Quốc + Công thức: H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> + Nồng độ: 30%, 35% hoặc 50% + Trạng thái: dung dịch, chất lỏng trong suốt + Nhiệt độ nóng chảy: -0,43 °C + Nhiệt độ sôi: 150,2 °C + Tỷ trọng: 1.45g/cm <sup>3</sup> + Quy cách: 30kg/can 30%	Can	1	
4	Ống nghiệm thủy tinh to (đựng nước tiêu)	Chất liệu đc làm từ thủy tinh KT : Ø 100x140ml	Ống	2200	
5	Ống nghiệm nhựa có nắp	Làm từ nhựa PP, có đóng nút, trên ống không có nhãn. Kích thước ống: 12x75mm (kích thước trong), 13x75mm (kích thước ngoài), đựng tối đa 5ml mẫu - Tiêu chuẩn: ISO 9001 – ISO 13485	Cái	250	
6	Ống nghiệm chống đông Heparin	- Ống có hình dạng lăng trụ đáy tròn, có nắp đậy bằng nhựa - Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và giữ chặt bởi khe tròn giữa ba vòng răng thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. - Kích thước ống: dài 75mm, đường kính 13mm - Chất liệu: ống làm bằng nhựa PP (polypropylene). Nắp làm bằng nhựa LDPE (low density polyethylene) - Ống có chứa hóa chất kháng đông Heparine tỉ lệ 1% (chống đông cho 2ml máu): nắp nhựa màu đen, nhân màu đen, chịu được lực quay ly tâm 3000-6000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút. - Tiêu chuẩn: ISO 9001 – ISO 13485	Ống	250	
7	Nén cục	Parafin rắn. Tinh khiết, chất lượng cao, dạng vảy, nhiệt độ nóng chảy ổn định 55-57°C	Kg	50	

8	Mũ giấy đã tiệt trùng	Được làm từ VKD Poly Propilen nguyên sinh: Chun mù có độ kéo giãn >200%: Không thấm nước: Được đóng gói bằng túi hiển thị 1 cái/ túi; 100 Cái/ Gói. Được tiệt trùng bằng khí EO: Đạt Tiêu chuẩn ISO	Cái	700	
9	Miếng hút máy điện xung	dùng trong máy điện xung	cái	100	
10	Lamen	TCCE	Hộp	1	
11	Lam kính mài	Chất liệu kính Soda vôi, kích thước 25.4*76.2mm, độ dày 1.0-1.2mm, mài mờ một đầu, bề mặt phẳng, không mốc.	Hộp	2	
12	Kim luồn dùng cho máy Laser nội mạch	Chất liệu FEP, có 3 vạch căn quang ở thân catheter, có khả năng lưu kim được đến 96h. Kim sắc 3 mặt vát tạo độ bén tối ưu. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Thân kim không chứa kim loại sử dụng được trong phòng MRI. Có sẵn nút chặn kim luồn khi không sử dụng tiêm truyền. Các cỡ với các màu khác nhau: 24G x 3/4" (I.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 22G x 1" (I.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu xanh nước biển; 20G x 1- 1/4" (I.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng; 18G x 1-3/4" (I.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): màu xanh lá cây; 16G x 1-3/4" (I.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám; 14G x 1-3/4" (I.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam;	Cái	9000	
13	Kim lấy máu, lấy thuốc các số	- Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, có nắp chụp bảo vệ. Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế. Đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt, không DEHP. Đạt chứng nhận EN ISO 13485: 2016;	Cái	1000	
14	Kim chích máu	Chất liệu thép không gỉ. Thân có dập gân tăng cứng. Đầu kim sắc nhọn. Tiệt trùng từng chiếc.	Cái	50	

15	Kim cánh bướm 23G, 25G	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây dẫn: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng.</li> <li>- Dây dài <math>\geq 300\text{mm}</math></li> <li>- Cỡ kim 23G x <math>\frac{3}{4}</math>", 25G x <math>\frac{3}{4}</math>" và các cỡ khác theo yêu cầu.</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> </ul>	Cái	300	
16	Huyết áp điện tử	<p>Kiểm tra các chỉ số huyết áp. Đo nhịp tim. Phát hiện sớm rối loạn nhịp tim. Đã kiểm tra lâm sàng bởi hiệp hội cao huyết áp Anh Quốc (tiêu chuẩn BHS).</p> <p>Công nghệ PAD (phát hiện rối loạn nhịp tim). - Bộ nhớ lưu 200 lần bao gồm ngày giờ giúp việc theo dõi huyết áp được kiểm soát tốt hơn. - Cột hiển thị mức độ huyết áp. Thông báo khi pin yếu. - Dễ sử dụng việc sử dụng đơn giản, bất cứ ai cũng có thể sử dụng.O61</p>	Cái	6	
17	Giấy in siêu âm	Giấy làm từ bột giấy, không chứa clo & cacbon, giấy 5 lớp, bóng, kháng nước cao, bền màu, in rõ nét. In lưới hết cỡ giấy. Kích thước 110mmx20m	cuộn	4	
18	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gạc: Gạc hút 100% cotton, pH trung tính, không có tinh bột hoặc Dextrin, các chất tan trong nước: không quá 0,5%. Tốc độ hút nước không quá 10 giây. Mật độ: 26 x 21/ inch. Kích thước sợi: CD 32/1. Kích thước miếng gạc: 10cm x 10cm x 12 lớp. Đóng gói bằng 2 lớp: 1 lớp PE, 1 lớp giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 14001</li> </ul>	Cái	100	
19	Dung dịch khử khuẩn steranos 2%	Dung dịch khử khuẩn steranos 2%	can 5l	10	
20	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	Cái	500	
21	Cốc đựng đờm, bệnh phẩm khác	Sử dụng 1 lần, chất liệu nhựa PVC	Lọ	20	

22	Bộ nhuộm Gram	Sử dụng để nhuộm vi sinh vật từ mẫu nuôi cấy hoặc mẫu bệnh phẩm theo phương pháp nhuộm Gram. Bộ gồm 4 chai x 250ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương. Quy cách: 4 chai x 250ml/bộ	Bộ	1	
23	Bộ hoá chất rửa kim, cuvet, hệ thống máy sinh hoá	*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 2 lít/can *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định	Can	6	
24	Bộ Giác hơi	Ống giác hơi bằng tre/ trúc. Kích cỡ: Đường kính: khoảng 6cm. Chiều cao: 10,5cm.	Bộ	6	
25	Viên nén khử khuẩn các bề mặt cứng	Thành phần chính: Viên sủi khử khuẩn 2,5g. Quy cách: hộp 100 viên Sodium Dichloroisocyanurate 50%, Citric Acid 18%, thành phần khác 32%. pH 5.8 ở nhiệt độ phòng (5.5-6.7) Tiêu chuẩn chất lượng GMP	Hộp	1	
	<b>Tổng: 25 mặt hàng</b>				